



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 02

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC	<i>An</i>					7,8	0012345678910	0123456789
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC	<i>Huy</i>					8,8	0012345678910	0123456789
3	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CC						✓	0012345678910	0123456789
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC	<i>Dân</i>					8,3	0012345678910	0123456789
5	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC	<i>Duy</i>					7,5	0012345678910	0123456789
6	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC	<i>Duy</i>					7,8	0012345678910	0123456789
7	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC	<i>Hiệp</i>					8,3	0012345678910	0123456789
8	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC	<i>Hiếu</i>					9,0	0012345678910	0123456789
9	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC	<i>Huy</i>					8,3	0012345678910	0123456789
10	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC	<i>Huy</i>					7,8	0012345678910	0123456789
11	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC	<i>Linh</i>					8,3	0012345678910	0123456789
12	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC	<i>Lương</i>					9,3	0012345678910	0123456789
13	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC	<i>Nguyên</i>					9,3	0012345678910	0123456789
14	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC	<i>Nhân</i>					9,0	0012345678910	0123456789
15	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC	<i>Nhân</i>					9,5	0012345678910	0123456789
16	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC	<i>Nhân</i>					8,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 02

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC						8,8	0012345678910	0123456789
18	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC						7,5	0012345678910	0123456789
19	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC						8,5	0012345678910	0123456789
20	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC						9,0	0012345678910	0123456789
21	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC						8,5	0012345678910	0123456789
22	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC						9,8	0012345678910	0123456789
23	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC						8,8	0012345678910	0123456789
24	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC						7,0	0012345678910	0123456789
25	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC						7,8	0012345678910	0123456789
26	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
27	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC						7,8	0012345678910	0123456789
28	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC						7,8	0012345678910	0123456789
29	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC						8,3	0012345678910	0123456789
30	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC						8,3	0012345678910	0123456789
31	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
32	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC						7,8	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

Ngày in : 26/11/2020 16:13



Mã nhận dạng 01914

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			77	90	75	79	0012345678910	0123456789
2	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC							0012345678910	0123456789
3	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			80	85	85	84	0012345678910	0123456789
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			82	90	75	80	0012345678910	0123456789
5	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			77	85	65	73	0012345678910	0123456789
6	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			77	85	80	80	0012345678910	0123456789
7	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			77	60	85	78	0012345678910	0123456789
8	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			77	90	85	84	0012345678910	0123456789
9	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			77	90	85	84	0012345678910	0123456789
10	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			78	90	90	86	0012345678910	0123456789
11	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			78	90	70	76	0012345678910	0123456789
12	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			80	90	80	82	0012345678910	0123456789
13	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC			77	80	60	69	0012345678910	0123456789
14	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			77	80	80	79	0012345678910	0123456789
15	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			77	85	75	78	0012345678910	0123456789
16	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			77	90	85	84	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01914

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			77	90	70	76	0012345678910	0123456789
18	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			77	85	85	83	0012345678910	0123456789
19	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			78	90	85	84	0012345678910	0123456789
20	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			77	85	70	75	0012345678910	0123456789
21	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			77	80	30	54	0012345678910	0123456789
22	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			78	90	95	89	0012345678910	0123456789
23	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			78	85	95	88	0012345678910	0123456789
24	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			88	85	85	86	0012345678910	0123456789
25	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			77	85	85	83	0012345678910	0123456789
26	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			57	70	85	74	0012345678910	0123456789
27	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			87	90	90	89	0012345678910	0123456789
28	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC			80	90	85	85	0012345678910	0123456789
29	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			83	90	35	60	0012345678910	0123456789
30	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			77	85	65	73	0012345678910	0123456789
31	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			82	90	90	88	0012345678910	0123456789
32	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			82	90	80	83	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01914

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			83	85	70	77	0012345678910	0123456789
34	17118114	Bùi Minh	DH17CC			83	80	30	56	0012345678910	0123456789
35	17118121	Lê Hoàng	DH17CC			82	85	80	82	0012345678910	0123456789
36	17118123	Huỳnh Hữu	DH17CC			82	85	75	79	0012345678910	0123456789
37	17118124	Trần Hữu	DH17CC			85	90	90	89	0012345678910	0123456789
38	17118126	Nguyễn Thành	DH17CC			77	85	75	78	0012345678910	0123456789
39	17118127	Nguyễn Đan	DH17CC			87	85	75	81	0012345678910	0123456789
40	17118133	Phùng Văn Quốc	DH17CC			78	85	70	75	0012345678910	0123456789
41	17118135	Đàng Năng San	DH17CC			78	85	65	73	0012345678910	0123456789
42	17118141	Nguyễn Trọng Anh	DH17CC			87	80	65	75	0012345678910	0123456789
43	17118143	Nguyễn Hải	DH17CC			85	90	85	86	0012345678910	0123456789
44	17118145	Trần Văn Thanh	DH17CC			85	60	80	78	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01914

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH17CC_01 Tổ Thi 001_DH17CC_01 Tên CBGD Bùi Ngọc Hùng
Ngày Thi 18/01/2021 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 43 Số sinh viên vắng 4.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Phong
Lê Văn Tuấn

Nguyễn Văn Công Chính

TS. Bùi Ngọc Hùng



Mã nhận dạng 01916

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207237)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CKC_01**

Tổ Thi **001_DH17CKC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	DH17CKC		7	7,1	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	DH17CKC		9	7,9	6,2	7,0	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	DH17CKC		9	6,8	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	DH17CKC		9	7,6	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh	Hoàng	DH17CKC		9	5,8	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh	Huy	DH17CKC		9	9,0	7,3	8,0	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân	Minh	DH17CKC		9	6,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	DH17CKC		9	7,6	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	DH17CKC		9	7,5	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	DH17CKC		9	7,4	7,0	7,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **1** Số sinh viên vắng **0**

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in 11/12/2020

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 01919

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản 208240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118115	ĐÌNH THẾ ANH	DH20CC			9,5		8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
√ 2	20118122	TRẦN QUỐC BẢO	DH20CC							0012345678910	0123456789
3	20118118	VÔ NGUYỄN VĂN HOÀI BẮC	DH20CC			9,5		5,5	6,3	0012345●78910	012●456789
4	20118124	NGUYỄN QUỐC BÌNH	DH20CC			9,5		8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
5	20118138	NGUYỄN TUẤN DIỆU	DH20CC			8,5		4,5	5,3	001234●678910	012●456789
6	20118132	NGUYỄN GIA ĐẠT	DH20CC			9,5		8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
7	20118019	NGUYỄN VÔ ANH HÀO	DH20CC			8,5		9,0	8,9	001234567●910	012345678●
8	20118156	ĐẶNG CHÁNH HẬU	DH20CC			8,5		5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
9	20118158	BÙI VINH HIỀN	DH20CC			9,5		8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
10	20118161	NGUYỄN MINH HIẾU	DH20CC			9,5		8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
11	20118162	NGUYỄN VÔ XUÂN HIẾU	DH20CC			7,5		2,5	3,5	0012●45678910	01234●6789
12	20118165	TRẦN VĂN HIẾU	DH20CC			9,5		4,0	5,1	001234●678910	0●23456789
√ 13	20118178	NGUYỄN VĂN HUỖNH	DH20CC							0012345678910	0123456789
14	20118184	VÔ VIỆT KHIÊM	DH20CC			9,5		9,0	9,1	0012345678●10	0●23456789
15	20118186	TRẦN VĂN KIÊN	DH20CC			9,5		9,0	9,1	0012345678●10	0●23456789
16	20118189	NGÔ HÀ NHẬT LINH	DH20CC			8,5		9,0	8,9	001234567●910	012345678●



Mã nhận dạng 01919

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118193	ĐẶNG NGỌC LONG	DH20CC			9,5		7,5	7,9	0012345678910	0123456789
18	20118192	TRẦN DANH LỢI	DH20CC			9,5		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
19	20118196	NGUYỄN MINH MÃN	DH20CC			9,5		9,0	9,1	0012345678910	0123456789
20	20118206	PHAN TRỌNG NGHĨA	DH20CC			9,5		8,0	8,3	0012345678910	0123456789
21	20118216	THIÊN HOÀNG NHẬT	DH20CC			9,5		7,5	7,9	0012345678910	0123456789
22	20118218	VÕ THÀNH PHÁP	DH20CC			9,5		8,0	8,3	0012345678910	0123456789
23	20118221	DƯƠNG TÂN PHÁT	DH20CC			8,5		6,0	6,5	0012345678910	0123456789
24	20118220	ĐỖ MINH PHÁT	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
25	20118229	MAI TRỌNG PHÚ	DH20CC			9,5		7,5	7,9	0012345678910	0123456789
26	20118230	UNG A PHÚ	DH20CC			8,5		5,0	5,7	0012345678910	0123456789
27	20118231	ĐẶNG PHƯỚC HOÀI PHÚC	DH20CC			8,5		5,5	6,1	0012345678910	0123456789
28	20118232	HUỲNH TRỌNG PHÚC	DH20CC			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
29	20118234	TRẦN HÙNG PHỤNG	DH20CC			9,5		7,0	7,5	0012345678910	0123456789
30	20118054	VÕ DUY PHƯƠNG	DH20CC			8,5		7,5	7,7	0012345678910	0123456789
31	20118242	TRẦN QUANG SANG	DH20CC			8,5		6,5	6,9	0012345678910	0123456789
√32	20118244	NGUYỄN TÂN HOÀNG TÀI	DH20CC							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01919

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118246	ĐOÀN VĂN TÂM	DH20CC			9,5		7,0	7,5	00123456●8910	01234●6789
34	20118059	NGÔ HOÀNG TÂM	DH20CC			9,5		9,0	9,1	0012345678●10	0●23456789
35	20118251	LÊ NGUYỄN VĂN THÁI	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012344●678910	012345678●
36	20118253	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	DH20CC			7,5		7,0	7,1	00123456●8910	0●23456789
37	20118254	NGUYỄN MINH THẮNG	DH20CC			9,5		7,0	7,5	00123456●8910	01234●6789
38	20118260	NGUYỄN VĂN THỊNH	DH20CC			9,5		7,5	7,9	00123456●8910	012345678●
39	20118262	LƯU CHÍ THÔNG	DH20CC			9,5		6,0	6,7	0012345●78910	0123456●89
40	20118265	ĐẶNG VĂN THUẬN	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012344●678910	012345678●
41	20118267	NGUYỄN HỮU THƯỜNG	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012344●678910	012345678●
42	20118268	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	DH20CC			9,5		6,0	6,7	0012345●78910	0123456●89
43	20118270	HUỶNH QUỐC TOÀN	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012344●678910	012345678●
44	20118280	DƯƠNG MINH TÚ	DH20CC			9,5		3,0	4,3	00123●45678910	012●456789
45	20118282	NGUYỄN ĐẶNG MINH TUẤN	DH20CC			9,5		6,0	6,7	0012345●78910	0123456●89



Mã nhận dạng 01919

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản Số Tín Ch 1
Nhóm Thi DH20CC_01 Tổ Thi 001_DH20CC_01 Tên CBGD Lê Anh Đức
Ngày Thi 11/01/2021 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 03

Ngày 01 Tháng 2 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Handwritten signatures:
Lê Văn Tuấn
Nguyễn Hữu Hòa

Handwritten signature:
Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Handwritten signature:
Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 01922

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấp thoát nước trong NN(207301)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CKC_01**

Tổ Thi

001_DH17CKC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi **20/01/2021**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC			9,5		9,0	9,2	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC			7,5		8,0	7,9	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC			8,5		6,0	6,8	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC			9,0		8,0	8,3	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC			7,5		7,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC			7,0		6,5	6,7	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC			8,5		7,0	7,5	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC			9,0		7,0	7,6	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC			8,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vi	DH17CKC			8,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 10 Số sinh viên vắng 0

Ngày 01 Tháng 03 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Vinh
Ngày in : 11/12/2020

Nguyễn Nam Cường

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Thanh Nghị



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02

CBGD: Lê Khỏe Quý (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
2	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
3	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
4	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			1	1	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
5	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
6	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			1	1	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
7	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
8	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
9	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
10	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			1	1	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
11	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
12	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
13	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
14	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
15	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
16	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01039

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118102	Lê Tấn Phú Thanh	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
18	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
19	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			1	1	5	7	0012345678910	0123456789
20	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
21	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			1	1	8	8	0012345678910	0123456789
22	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
23	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
24	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
25	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Công Chính
Lê Khỏe Quí

Trần Văn Đức

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Lê Khõe Quí (892)

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Thiệu



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 04

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			1	1	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
3	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			1	1	5,5	7,5	0012345678910	0123456789
4	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
5	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
6	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
7	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
8	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
9	16118095	Nguyễn Thành Luyến	DH16CK			1	1	7	9	0012345678910	0123456789
10	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
11	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
12	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
13	17118072	Nguyễn Minh Nhật	DH17CK						V	0012345678910	0123456789
14	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789
15	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			1	1	6,5	8,5	0012345678910	0123456789
16	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			1	1	6	8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 04

CBGD: Lê Khỏe Quí (892)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			1	1	6,5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			1	1	6,5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			1	1	6	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			1	1	6,5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			1	1	6	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			1	1	6	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			1	1	6	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			1	1	6	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			1	1	6	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

Lê Khỏe Quí

Nguyễn Văn Đức



Mã nhận dạng 01927

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật hệ thống canh tác(207329)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CKC_01

Tổ Thi 001_DH17CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC			8,5		9,0	8,9	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC			8,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC			8,0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC			9,0		7,5	8,0	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC			8,0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC			7,0		6,0	6,3	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC			8,0		7,0	7,3	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC			7,0		6,0	6,3	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC			7,0		7,0	7,0	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vĩ	DH17CKC			8,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 01 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Nghị
Ngày in : 11/12/2020

Phan Minh Hiền

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Thanh Nghị



Mã nhận dạng 04278

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấu tạo động cơ - máy kéo(207330)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Trang 1

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			9,0	9,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			7,0	9,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			9,0	9,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			10	9,0	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			7,5	9,0	4,5	6,2	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			8,0	8,8	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			7,0	8,5	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			9,5	8,8	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			7,5	8,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			8,5	8,8	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			6,0	8,0	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			9,5	8,8	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			8,5	8,5	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			8,0	8,8	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			6,5	8,8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04278

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấu tạo động cơ - máy kéo(207330)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH18CKC_01** Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Trang 2

Ngày Thi **14/01/2021** Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV103**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 1. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 01 Tháng 02 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Nguyễn Thanh Nghị


Phan Minh Hiền

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____


Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Thanh Nghị



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			9	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
2	17137005	Mai Thanh Binh	DH17NL			9	6,5	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
3	17137006	Lưu Nhật Chí	DH17NL			9	7,5	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
4	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			9	6	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
5	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
6	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			9	7,5	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
7	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
8	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			9	7,5	7	7,6	00123456●8910	012345●789
9	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			9	7,5	8	8,0	001234567●910	●123456789
10	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL			9	6	7	7,0	00123456●8910	●123456789
11	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			9	6	6	6,6	0012345●78910	012345●789
12	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
13	17137033	Phan Đình Huynh	DH17NL			9	6	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
14	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			9	7,5	8	8,0	001234567●910	●123456789
15	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL			9	6,5	5	6,4	0012345●78910	0123●56789
16	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL	Lộc		9	6,5	7	7,2	001234568910	013456789
18	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL	Huỳnh		9	6,5	6	6,8	001234578910	012345679
19	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL	Lộc		9	7,5	8	8,0	001234567910	123456789
20	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL	M		9	6	7,5	7,2	001234568910	013456789
21	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL	Phúc		9	7,5	7,5	7,8	001234568910	012345679
22	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL	Quang		9	6,5	6	6,8	001234578910	012345679
23	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL	Quân		9	8	8,5	8,4	001234567910	012356789
24	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL	Quý		9	8	8,5	8,4	001234567910	012356789
25	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL	Thạch		9	8	8,5	8,4	001234567910	012356789
26	17137067	Nguyễn Công Thúc	DH17NL	Thúc		9	7,5	7	7,6	001234568910	012345789
27	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL	Tín		9	8	8,5	8,4	001234567910	012356789
28	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL	Triều		9	7,5	7,5	7,8	001234568910	012345679
29	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Văn	DH17NL	Văn		9	8	8,5	8,4	001234567910	012356789
30	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL	Vũ		9	7,5	8	8,0	001234567910	123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Ngày in : 09/11/2020 15:31

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			9	8,5	8	8,4	001234567●910	0123●56789
2	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			9	8,5	8,5	8,6	001234567●910	012345●789
3	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			9	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
4	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			9	6,5	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
5	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			9	7,5	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
6	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			9	8,5	8,5	8,6	001234567●910	012345●789
7	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
8	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL			9	7	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
9	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL			9	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
10	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			9	6,5	6,5	7,0	00123456●8910	●123456789
11	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			9	7,5	7	7,6	00123456●8910	012345●789
12	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL			9	7	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
13	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL			9	7,5	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
14	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			9	7,5	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
15	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			9	7,5	8	8,0	001234567●910	●123456789
16	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL			8	7	8	7,6	00123456●8910	012345●789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137046	Nguyễn Na	Na	DH17NL	<i>Na</i>	9	8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
18	17137050	Võ Tấn	Ngoan	DH17NL	<i>Gym</i>	9	8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
19	17137051	Phạm Nhật	Phong	DH17NL	<i>phong</i>	9	6,5	7	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
20	17137057	Trần Văn	Quang	DH17NL	<i>Tran</i>	9	8	8	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
21	17137059	Phan Thị Thảo	Quyên	DH17NL	<i>Phan</i>	9	8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
22	17137060	Trần Ngọc	Son	DH17NL	<i>Son</i>	9	8	8	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
23	17137063	Võ Anh	Thi	DH17NL	<i>Thi</i>	9	8,5	8,5	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
24	17137064	Đỗ Duy	Thiện	DH17NL	<i>Thien</i>	9	8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
25	17137065	Ngô Văn	Thịnh	DH17NL	<i>Ngô</i>	9	8	8	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
26	17137070	Hồ Thị Đài	Trang	DH17NL	<i>Trang</i>	9	8,5	8,5	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
27	17137071	Trần Thùy	Trang	DH17NL	<i>Thi</i>	9	8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
28	17137074	Lê Phước	Trọng	DH17NL	<i>Phuoc</i>	9	7,5	7	7,6	○○○123456●8910	○12345●789
29	16137091	Vũ Nhật	Trường	DH16NL	<i>Truong</i>	8	7	8	7,6	○○○123456●8910	○12345●789
30	16137101	Phạm Văn	Vĩ	DH16NL	<i>Pham</i>	9	7	7,5	7,6	○○○123456●8910	○12345●789
31	17137079	Nguyễn An Hoàng	Vương	DH17NL	<i>Vuong</i>	9	6,5	6,5	7	○○○123456●8910	●123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Madaw
Lê Anh Đức

Ngày in : 09/11/2020 15:31

Ca y hui
Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Madaw
Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 01940

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD	<i>A.</i>		7.5		5.5	6.1	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD	<i>An</i>		7.5		6.0	6.5	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD	<i>Bao</i>		6.5		3.0	4.1	0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD	<i>Kh</i>		8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
5	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD	<i>Ban</i>		9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
6	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD	<i>binh</i>		7.5		9.0	8.6	0012345678910	0123456789
7	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD	<i>Canh</i>		8.0		7.0	7.8	0012345678910	0123456789
8	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD	<i>Chien</i>		7.0		7.5	7.4	0012345678910	0123456789
9	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD	<i>Danh</i>		8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
10	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD	<i>Duy</i>		8.0		9.5	9.1	0012345678910	0123456789
11	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD	<i>Duy</i>		7.0		6.0	6.3	0012345678910	0123456789
12	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD	<i>Duy</i>		9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
13	18153015	Đỗ Trùng Dương	DH18CD	<i>Duong</i>		8.0		5.5	6.3	0012345678910	0123456789
14	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD	<i>Duong</i>		8.0		8.0	8.0	0012345678910	0123456789
15	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD	<i>Duy</i>		4.0		8.5	7.2	0012345678910	0123456789
16	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD	<i>Dat</i>		9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01940

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD	<i>Đạt</i>		7.0		4.0	4.9	0012345678910	0123456789
18	16138017	Vì Văn Đạt	DH16TD	<i>Đạt</i>		8.0		5.0	5.9	0012345678910	0123456789
19	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD	<i>Đình</i>		7.0		4.0	4.9	0012345678910	0123456789
20	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD	<i>Đình</i>		7.0		4.5	5.3	0012345678910	0123456789
21	17138009	Huỳnh Minh Đình	DH17TD	<i>Đình</i>		9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
22	15153015	Lê Cảnh Trường	Giang	DH15CD	<i>Trường</i>	0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789
23	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD	<i>Giang</i>		8.0		6.5	7.0	0012345678910	0123456789
24	17153026	Nguyễn Trường Hân	DH17CD	<i>Hân</i>		9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
25	18454007	Huỳnh Ngọc	Hiếu	LT18OT	<i>Ngọc</i>	0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789
26	17154028	Phạm Tử Hùng Hiếu	DH17OT	<i>Huỳnh</i>		7.5		3.0	4.4	0012345678910	0123456789
27	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD	<i>Phan</i>		7.5		3.5	4.7	0012345678910	0123456789
28	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD	<i>Hòa</i>		7.0		6.5	6.7	0012345678910	0123456789
29	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD	<i>Hoài</i>		7.0		5.5	6.0	0012345678910	0123456789
30	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD	<i>Chánh</i>		7.5		3.0	4.4	0012345678910	0123456789
31	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD	<i>Hoàng</i>		7.0		4.5	5.3	0012345678910	0123456789
32	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD	<i>Trần</i>		7.0		5.0	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01940

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
34	18138036	Phan Trần Hoàng	DH18TD			8.0		7.0	7.3	0012345678910	0123456789
35	16138043	Trần Đức	DH17TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
36	18138037	Trần Trọng	DH18TD			8.0		7.0	7.3	0012345678910	0123456789
37	18138032	Chung Hiệp	DH18TD			6.5		5.0	5.5	0012345678910	0123456789
38	18138033	Nguyễn Thế	DH18TD			8.0		10	9.4	0012345678910	0123456789
39	18138041	Lê Phúc	DH18TD			8.0		8.0	8.0	0012345678910	0123456789
40	18138042	Nguyễn Công	DH18TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
41	18138043	Nguyễn Duy	DH18TD			8.0		6.5	7.0	0012345678910	0123456789
42	18138044	Đinh Trọng	DH18TD			0.0		4.0	2.8	0012345678910	0123456789
43	17153039	Bùi Tuấn	DH17CD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
44	18138046	Phạm Văn Tiểu	DH18TD			8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
45	18153038	Lê Trọng	DH18CD			7.0		6.0	6.3	0012345678910	0123456789
46	18138047	Lương Hoàng	DH18TD			8.0		9.5	9.1	0012345678910	0123456789
47	18138048	Nguyễn Văn	DH18TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
48	18138049	Nguyễn Thị Mỹ	DH18TD			8.0		8.0	8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01940

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **001_DH18TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			6.5		4.0	4.8	0012345678910	0123456789
50	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
51	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
52	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
53	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			8.0		7.5	7.7	0012345678910	0123456789
54	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			8.0		8.0	8.0	0012345678910	0123456789
55	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
56	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
57	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
58	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			8.0		4.5	5.6	0012345678910	0123456789
59	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			6.5		3.5	4.4	0012345678910	0123456789
60	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
61	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			8.0		3.5	4.9	0012345678910	0123456789
62	18138062	Trần Phát	DH18TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
63	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			8.0		7.0	7.3	0012345678910	0123456789
64	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			6.5		8.0	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01940

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV302

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			8.0		5.0	5.9	0012345678910	0123456789
66	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			8.0		5.5	6.3	0012345678910	0123456789
67	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
68	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			7.0		5.5	6.0	0012345678910	0123456789
69	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789
70	18138072	Lê Tấn Quí	DH18TD			8.0		8.5	8.4	0012345678910	0123456789
71	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
72	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			8.0		8.5	8.4	0012345678910	0123456789
73	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			7.5		5.0	5.8	0012345678910	0123456789
74	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			8.0		10	9.4	0012345678910	0123456789
75	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			8.0		9.0	8.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 72 Số sinh viên vắng 2....

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 11/12/2020

N.V. Kiệp

Nguyễn Hữu Hòa

CBCT 3

Ban Công Hòa

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 01941

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

002_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			7.5		8.0	7.9	0012345678910	0123456789
2	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			7.5		7.0	7.2	0012345678910	0123456789
3	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT			0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789
4	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			7.0		5.5	6.0	0012345678910	0123456789
5	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD			0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789
6	15138065	Nguyễn Tấn Thịnh	DH15TD			7.0		6.0	6.3	0012345678910	0123456789
7	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			7.0		5.5	6.0	0012345678910	0123456789
8	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD			0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789
9	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
10	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
11	18153073	Nguyễn Tấn Thuận	DH18CD			7.5		6.0	6.5	0012345678910	0123456789
12	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			7.5		8.0	7.9	0012345678910	0123456789
13	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			8.0		4.0	5.2	0012345678910	0123456789
14	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			7.5		5.5	4.7	0012345678910	0123456789
15	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD			5.0		4.5	4.7	0012345678910	0123456789
16	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD			8.0		7.0	7.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01941

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

002_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			6.5		6.5	6.5	0012345678910	0123456789
18	18138095	Đào Đức	DH18TD			7.5		6.0	6.5	0012345678910	0123456789
19	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD			7.5		3.5	4.8	0012345678910	0123456789
20	18454011	Lê Sỹ Đình	LT18OT			9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
21	18138097	Phan Bá	DH18TD			0.0		7.0	4.9	0012345678910	0123456789
22	17138061	Bùi Anh	DH17TD			0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789
23	18138098	Lý Hồng	DH18TD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
24	18138099	Nguyễn Anh	DH18TD			7.5		6.0	6.5	0012345678910	0123456789
25	18138102	Ngô Lương	DH18TD			6.0		6.0	6.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 0.2

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Quang Hiến

Lê Văn Phúc

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

Ngày in : 11/12/2020



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đo lường & TĐ hóa trong máy NN (207514) - 03

CBGD: Trương Công Tiễn (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC						8.0	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC						8.0	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC						8.0	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC						8.0	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC						8.0	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC						7.5	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC						7.5	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC						7.5	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC						7.5	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vi	DH17CKC						7.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Trương Công Tiễn

TS. Trương Công Tiễn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết kế mạch điều khiển (207515) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD		8,5	7,0	7,5	7,25	7,6	0012345678910	0123456789
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD		7,5	8,0	8,25	8,25	8,0	0012345678910	0123456789
3	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD		7,5	7,25	7,5	7,8	7,5	0012345678910	0123456789
4	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD		8,0	7,8	7,8	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
5	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD		8,0	7,8	7,5	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
6	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD		8,0	8,5	8,0	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
7	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD		8,0	8,0	7,5	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
8	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD		8,5	8,0	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
9	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD		7,0	7,8	7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
10	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD		7,85	8,0	8,0	8,2	8,0	0012345678910	0123456789
11	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD		8,5	7,0	7,25	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
12	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD		8,5	7,25	8,25	7,25	8,0	0012345678910	0123456789
13	17138016	Hồ Hiền	DH17TD		8,0	7,0	6,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
14	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD		7,85	8,0	8,0	8,2	8,0	0012345678910	0123456789
15	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD		8,25	7,5	7,75	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
16	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD		7,0	7,25	7,5	7,0	7,3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết kế mạch điều khiển (207515) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD		8,0	8,0	8,25	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
18	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD		8,5	8,0	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
19	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD		7,5	8,0	8,25	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
20	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD		8,0	7,5	7,75	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
21	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD		8,0	7,75	8,0	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
22	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD		7,0	7,75	8,0	7,25	7,5	0012345678910	0123456789
23	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD		8,25	7,5	7,75	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
24	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD		8,0	7,25	7,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
25	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD		8,0	7,75	8,25	7,75	7,9	0012345678910	0123456789
26	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD		8,0	7,8	8,25	7,75	8,0	0012345678910	0123456789
27	17138039	Lê Quang PHiếu	DH17TD		7,5	8,0	8,25	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
28	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD		8,0	8,0	8,0	8,15	8,0	0012345678910	0123456789
29	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD		7,0	7,0	6,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
30	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD		7,75	7,15	7,5	7,8	7,6	0012345678910	0123456789
31	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD		8,0	8,25	8,25	8,25	8,2	0012345678910	0123456789
32	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD		8,5	7,0	7,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thiết kế mạch điều khiển (207515) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD		8,0	8,0	7,5	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
34	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD		8,0	7,5	7,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
35	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD		7,25	7,15	7,25	7,8	7,5	0012345678910	0123456789
36	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD		7,0	7,8	7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
37	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD		7,25	7,15	7,5	7,8	7,6	0012345678910	0123456789
38	15138065	Nguyễn Tấn	DH15TD		7,0	7,25	7,0	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
39	15138066	Nguyễn Minh	DH15TD		6,5	7,0	7,25	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
40	17138051	Lưu Thị Ánh	DH17TD		7,5	7,15	7,5	7,8	7,5	0012345678910	0123456789
41	17138052	Phạm Hoài	DH17TD		8,0	7,25	7,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
42	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD		8,0	8,5	8,25	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
43	17138055	Huỳnh Quang	DH17TD		8,0	8,5	8,25	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
44	17138056	Nguyễn Nhật	DH17TD		7,25	8,75	8,5	8,75	8,4	0012345678910	0123456789
45	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD		8,0	7,8	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
46	17138059	Nguyễn Chí	DH17TD		7,0	7,85	7,75	7,6	7,6	0012345678910	0123456789
47	17138060	Trương Tuấn	DH17TD		8,0	7,5	7,25	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
48	17138061	Bùi Anh	DH17TD	V	✓	V	V	V	V	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

Trương Công Tiến

Lê Văn Bận

Lê Quang Hải



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
2	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
3	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD						9.0	0012345678910	0123456789
4	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
5	17138011	Nguyễn Đình Quốc	DH17TD						9.0	0012345678910	0123456789
6	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
7	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
8	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
9	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD						9.0	0012345678910	0123456789
10	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
11	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
12	17138016	Hồ Hiền	DH17TD						9.0	0012345678910	0123456789
13	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD						9.0	0012345678910	0123456789
14	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD						9.0	0012345678910	0123456789
15	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD						9.0	0012345678910	0123456789
16	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD						10	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD	<i>Khải</i>					10	○○○12345678910	●123456789
18	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD	<i>Khánh</i>					10	○○○12345678910	●123456789
19	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD	<i>Khôi</i>					9.0	○○○12345678910	●123456789
20	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD	<i>Khôi</i>					10	○○○12345678910	●123456789
21	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD	<i>Linh</i>					10	○○○12345678910	●123456789
22	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD	<i>Long</i>					10	○○○12345678910	●123456789
23	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD	<i>Nam</i>					9.0	○○○12345678910	●123456789
24	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD	<i>Nam</i>					9.0	○○○12345678910	●123456789
25	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD	<i>N</i>					10	○○○12345678910	●123456789
26	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD	<i>Ninh</i>					9.0	○○○12345678910	●123456789
27	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD	<i>Pháp</i>					9.0	○○○12345678910	●123456789
28	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD	<i>Phát</i>					10	○○○12345678910	●123456789
29	17138039	Lê Quang Phiếu	DH17TD	<i>Phiếu</i>					9.0	○○○12345678910	●123456789
30	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD	<i>Phuong</i>					10	○○○12345678910	●123456789
31	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD	<i>Quân</i>					9.0	○○○12345678910	●123456789
32	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD	<i>Sang</i>					9.0	○○○12345678910	●123456789



Mã nhận dạng 01049

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD						9,0	0012345678910	0123456789
34	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD						9,0	0012345678910	0123456789
35	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD						9,0	0012345678910	0123456789
36	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD						9,0	0012345678910	0123456789
37	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD						9,0	0012345678910	0123456789
38	15138065	Nguyễn Tấn	DH15TD						9,0	0012345678910	0123456789
39	17138051	Lưu Thị Ánh	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
40	17138052	Phạm Hoài	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
41	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
42	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
43	18138088	Thái Minh	DH18TD						9,0	0012345678910	0123456789
44	17138055	Huỳnh Quang	DH17TD						10	0012345678910	0123456789
45	17138056	Nguyễn Nhựt	DH17TD						9,0	0012345678910	0123456789
46	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD						9,0	0012345678910	0123456789
47	17138059	Nguyễn Chí	DH17TD						9,0	0012345678910	0123456789
48	17138060	Trương Tuấn	DH17TD						10	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01049

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD						0.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD						9.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 01948

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xử lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
2	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
3	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
5	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
6	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD				8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
7	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
8	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD				8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
9	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
10	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
11	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
12	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
13	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD				8	4	5.6	0012345678910	0123456789
14	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
15	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
16	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD				8	4	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01948

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xử lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138016	Nguyễn Long Ngọc	Đinh	DH18TD			8	7	7.4	0012345678910	0123456789
18	18138023	Trần Trường	Giang	DH18TD			8	8	8.0	0012345678910	0123456789
19	18138026	Phan Gia	Hiếu	DH18TD						0012345678910	0123456789
20	18138027	Vũ Minh	Hòa	DH18TD			8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
21	18138028	Trần Văn	Hoài	DH18TD			8	6	6.8	0012345678910	0123456789
22	16138035	Lý Minh	Hoàng	DH16TD			8	3.5	5.3	0012345678910	0123456789
23	18138029	Nguyễn Văn	Hoàng	DH18TD			8	3	5.0	0012345678910	0123456789
24	18138030	Trần Lê	Huân	DH18TD			8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
25	18138034	Lê Thanh	Huy	DH18TD			8	7	7.4	0012345678910	0123456789
26	18138036	Phan Trần Hoàng	Huy	DH18TD			8	6	6.8	0012345678910	0123456789
27	18138037	Trần Trọng	Huy	DH18TD			8	6	6.8	0012345678910	0123456789
28	18138032	Chung Hiệp	Hưng	DH18TD			8	4.0	5.6	0012345678910	0123456789 5.6
29	18138033	Nguyễn Thế	Hưng	DH18TD			8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
30	18138041	Lê Phúc	Khang	DH18TD			8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
31	18138042	Nguyễn Công	Khánh	DH18TD			8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
32	18138043	Nguyễn Duy	Khánh	DH18TD			8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01948

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xử lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
34	18138046	Phạm Văn Tiểu KỲ	DH18TD				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
35	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
36	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
37	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
38	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
39	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD				8	3.5	5.3	0012345678910	0123456789
40	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
41	18138054	So Tấn Lũy	DH18TD				8	10	9.2	0012345678910	0123456789
42	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
43	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
44	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD				8	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
45	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01948

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH18TD_01 Tổ Thi 001_DH18TD_01 Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch
Ngày Thi 19/01/2021 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Nguyễn Thành Tuyền

TS. Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 01949

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 002_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
2	18138062	Trần Phát	DH18TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
3	17138039	Lê Quang	DH17TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
4	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
5	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD				8	4	5.6	0012345678910	0123456789
6	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD				8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
7	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
8	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
9	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
10	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD				8	10	9.2	0012345678910	0123456789
11	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD				8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
12	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
13	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
14	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
15	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD				8	10	9.2	0012345678910	0123456789
16	16153082	Tô Thanh	DH16CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01949

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xử lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 002_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
18	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD							0012345678910	0123456789
19	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD				8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
20	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
21	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD				8	3	5.0	0012345678910	0123456789
22	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD				8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
23	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD				8	4	5.6	0012345678910	0123456789
24	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD				8	2	4.4	0012345678910	0123456789
25	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD				8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
26	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
27	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD				8	1	3.8	0012345678910	0123456789
28	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD				8	0	3.2	0012345678910	0123456789
29	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
30	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
31	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD				8	2	4.4	0012345678910	0123456789
32	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD				8	1.5	4.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01949

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH18TD_01 Tổ Thi 002_DH18TD_01 Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch
Ngày Thi 19/01/2021 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

phan thanh hien

Nguyễn Hữu Hoa

TS. Trương Công Tiến

Ng. Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 01947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
2	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD				8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
3	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD				8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
4	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD				8	4	5.6	0012345678910	0123456789
5	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
6	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
7	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
8	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
9	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
10	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
11	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
12	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD				8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
13	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
14	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
15	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
16	17153013	Hà Công Định	DH17CD				8	3	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xử lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138009	Huỳnh Minh	Định	DH17TD			8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
18	17153014	Bùi Phú	Đức	DH17CD			8	4	5.6	0012345678910	0123456789
19	17153016	Nguyễn Trung	Đức	DH17CD			8	6	6.8	0012345678910	0123456789
20	17153024	Đặng Minh	Hải	DH17CD			8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
21	15153017	Trịnh Văn	Hải	DH15CD			8	3	5.0	0012345678910	0123456789
22	17153027	Lê Trung	Hậu	DH17CD			8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
23	17153028	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17CD			8	5	6.2	0012345678910	0123456789
24	17138019	Trần Minh	Hiếu	DH17TD			8	6	6.8	0012345678910	0123456789
25	17153030	Bùi Văn	Hoàng	DH17CD			8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
26	17138021	Nguyễn Đình	Hồ	DH17TD			8	5	6.2	0012345678910	0123456789
27	17153032	Lê Nguyễn	Huy	DH17CD			8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
28	17153033	Trần Quang	Huy	DH17CD			8	6	6.8	0012345678910	0123456789
29	17153034	Lê Văn	Khanh	DH17CD			8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
30	17153035	Dương Quốc	Khánh	DH17CD			8	6	6.8	0012345678910	0123456789
31	17153037	Ngô Tín	Khoa	DH17CD			8	9	8.6	0012345678910	0123456789
32	17138027	Nguyễn Tấn	Khôi	DH17TD			8	5	6.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xử lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 45%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD				8	10	9.2	0012345678910	0123456789
34	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
35	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
36	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DH16CD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
37	17138033	Lê Nguyễn Hoài	DH17TD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
38	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
39	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
40	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD				8	3.5	5.3	0012345678910	0123456789
41	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD				8	3.5	5.3	0012345678910	0123456789
42	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
43	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
44	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
45	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
46	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
47	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
48	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xử lý tín hiệu số(207525)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD				8	10	9.2	0012345678910	0123456789
50	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
51	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
52	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD				8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
53	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD				8	3	5.0	0012345678910	0123456789
54	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
55	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
56	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
57	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
58	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
59	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
60	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
61	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
62	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD				8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
63	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
64	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD				8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01947

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CD_02

Tổ Thi 001_DH17CD_02

Tên CBGD Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153072	Nguyễn Hoàng	Toán	DH17CD			8	8	8.0	0012345678910	0123456789
66	17153075	Lê Quốc	Trạng	DH17CD			8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
67	17153076	Phạm Ngọc	Triệu	DH17CD			8	7	7.4	0012345678910	0123456789
68	17153077	Phan Bảo	Trọng	DH17CD			8	7	7.4	0012345678910	0123456789
69	16153100	Lê Anh	Tuấn	DH16CD			8	8	8.0	0012345678910	0123456789
70	15138071	Nguyễn Đình	Tùng	DH15TD			8	4	5.6	0012345678910	0123456789
71	16153107	Lâm Văn	Vinh	DH16CD			8	5	6.2	0012345678910	0123456789
72	17153080	Hoàng Thanh	Vương	DH17CD			8	7	7.4	0012345678910	0123456789
73	17153081	Dương Bảo	Ý	DH17CD			8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 73 Số sinh viên vắng 00.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

N. V. Kiệp
TS. Trương Công Tiến

Ng. V. Ngọc Bạch



Mã nhận dạng 01952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(20753⁵)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_03

Tổ Thi 001_DH18TD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			6.0		6.5	6.4	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			6.0		7.0	6.7	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			6.0		6.0	6.0	0012345678910	0123456789
4	18118007	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	DH18CK		0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789
5	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			5.5		8.0	7.5	0012345678910	0123456789
6	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			9.0		7.5	8.0	0012345678910	0123456789
7	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			5.5		7.0	6.9	0012345678910	0123456789
8	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			8.5		4.0	5.4	0012345678910	0123456789
9	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			6.5		4.5	5.1	0012345678910	0123456789
10	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			6.5		7.5	7.2	0012345678910	0123456789
11	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			8.5		7.5	7.8	0012345678910	0123456789
12	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			8.5		9.0	8.9	0012345678910	0123456789
13	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			9.0		7.5	8.0	0012345678910	0123456789
14	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			9.0		8.5	8.7	0012345678910	0123456789
15	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			6.5		4.0	4.8	0012345678910	0123456789
16	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			8.5		7.0	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(20753

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_03

Tổ Thi 001_DH18TD_03

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138016	Nguyễn Long Ngọc	Đinh	DH18TD		6.5		4.5	5.1	0012345678910	0123456789
18	18138023	Trần Trường	Giang	DH18TD		8.5		8.0	8.2	0012345678910	0123456789
19	18138026	Phan Gia	Hiếu	DH18TD		5.5		6.0	5.9	0012345678910	0123456789
20	18138027	Vũ Minh	Hòa	DH18TD		6.5		7.5	7.2	0012345678910	0123456789
21	18138028	Trần Văn	Hoài	DH18TD		6.5		7.0	6.9	0012345678910	0123456789
22	18138029	Nguyễn Văn	Hoàng	DH18TD		6.0		8.0	7.4	0012345678910	0123456789
23	18138030	Trần Lê	Huân	DH18TD		9.0		7.0	7.6	0012345678910	0123456789
24	18138034	Lê Thanh	Huy	DH18TD		8.5		8.5	8.5	0012345678910	0123456789
25	18138036	Phan Trần Hoàng	Huy	DH18TD		6.0		6.0	6.0	0012345678910	0123456789
26	18138037	Trần Trọng	Huy	DH18TD		6.5		8.0	7.6	0012345678910	0123456789
27	18138032	Chung Hiệp	Hung	DH18TD		6.5		1.5	3.0	0012345678910	0123456789
28	18138033	Nguyễn Thế	Hung	DH18TD		6.5		9.0	8.9	0012345678910	0123456789
29	18138042	Nguyễn Công	Khánh	DH18TD		8.5		9.0	8.9	0012345678910	0123456789
30	18138044	Đinh Trọng	Khôi	DH18TD		6.5		7.0	6.9	0012345678910	0123456789
31	18138047	Lương Hoàng	Lâm	DH18TD		9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
32	18138048	Nguyễn Văn	Lâm	DH18TD		8.5		8.0	8.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(20751

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_03

Tổ Thi

001_DH18TD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD			6.5		8.5	7.9	0012345678910	0123456789
34	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			9.0		6.0	6.9	0012345678910	0123456789
35	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			8.0		3.0	4.5	0012345678910	0123456789
36	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			6.0		7.5	7.1	0012345678910	0123456789
37	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			9.0		8.0	8.3	0012345678910	0123456789
38	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			6.5		4.0	4.8	0012345678910	0123456789
39	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			6.0		6.0	6.0	0012345678910	0123456789
40	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			5.0		6.5	6.1	0012345678910	0123456789
41	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			9.0		7.5	8.0	0012345678910	0123456789
42	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			5.0		2.0	2.9	0012345678910	0123456789
43	18138062	Trần Phát	DH18TD			8.5		7.5	7.8	0012345678910	0123456789
44	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			6.0		6.0	6.0	0012345678910	0123456789
45	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			6.5		7.5	7.2	0012345678910	0123456789
46	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			6.5		7.5	7.2	0012345678910	0123456789
47	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			6.5		8.0	7.6	0012345678910	0123456789
48	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			8.5		8.0	8.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(20752

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_03

Tổ Thi

001_DH18TD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV201B

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			6.5		8.0	7.6	0012345678910	0123456789
50	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			9.0		8.0	8.9	0012345678910	0123456789
51	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			6.0		8.0	7.4	0012345678910	0123456789
52	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			9.0		7.5	8.0	0012345678910	0123456789
53	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			9.0		8.0	8.9	0012345678910	0123456789
54	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			6.5		5.0	5.5	0012345678910	0123456789
55	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			0.0		1.0	0.7	0012345678910	0123456789
56	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD			0.0		6.0	0.0	0012345678910	0123456789
57	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			8.5		8.0	8.2	0012345678910	0123456789
58	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			9.0		7.5	8.0	0012345678910	0123456789
59	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			8.0		8.5	8.4	0012345678910	0123456789
60	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			5.5		0.5	2.0	0012345678910	0123456789
61	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			6.0		5.5	5.7	0012345678910	0123456789
62	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			5.0		4.5	4.7	0012345678910	0123456789
63	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD			5.0		4.0	4.8	0012345678910	0123456789
64	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			6.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01952

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(20753

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_03

Tổ Thi 001_DH18TD_03

Tên CBGD Trương Công Tiễn

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201B

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 2/1%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD			4.5		1.5	2.4	0012345678910	0123456789
66	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			6.5		8.0	7.6	0012345678910	0123456789
67	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			8.5		5.0	6.1	0012345678910	0123456789
68	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD			5.0		5.0	5.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 65 Số sinh viên vắng 2

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Công Tiễn

Cao Đức Lợi

TS. Trương Công Tiễn

TS. Trương Công Tiễn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138071	VÕ TUẤN ANH	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789
2	20138003	ĐINH HOÀNG THIÊN AN	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789
3	20138072	Võ Hoàng Gia Bảo	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789
4	20138073	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
5	20138074	ĐẶNG MINH CHÍNH	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789
6	20138075	NGUYỄN CÔNG DANH	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789
7	20138080	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
8	20138081	NGUYỄN THÁI DUY	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789
9	20138076	NGUYỄN TẤN ĐẠT	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
10	20138077	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH20TD						7.0	0012345678910	0123456789
11	20138078	PHAN CHÂU THÀNH ĐẠT	DH20TD						7.0	0012345678910	0123456789
12	20138079	TRỊNH MINH ĐẠT	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789
13	20138083	THÁI GIA HẠNH	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789
14	20152007	VÕ QUANG HÀO	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789
15	20138084	VŨ QUANG HẬU	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789
16	20138085	NGUYỄN THANH HIỆP	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138017	TRẦN NGỌC HOÀI	DH20TD	<i>Hoe</i>					9.0	0012345678910	0123456789
18	20138089	TRẦN GIA HUY	DH20TD	<i>Huy</i>					8.0	0012345678910	0123456789
19	20138090	VÕ TÂN HUY	DH20TD	<i>Tanhuy</i>					8.0	0012345678910	0123456789
20	20138087	NGUYỄN VĂN TUẤN HUNG	DH20TD	<i>Hung</i>					7.0	0012345678910	0123456789
21	20138088	PHẠM DUY HUNG	DH20TD	<i>Hung</i>					9.0	0012345678910	0123456789
22	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh Hương	DH20TD	<i>Huong</i>					9.0	0012345678910	0123456789
23	20138091	NGUYỄN ĐỨC KHAI	DH20TD	<i>Khai</i>					7.5	0012345678910	0123456789
24	20138092	TRẦN BÁ KHANG	DH20TD	<i>Khang</i>					7.5	0012345678910	0123456789
25	20138093	PHAN QUỐC KHÁNH	DH20TD	<i>Khánh</i>					7.5	0012345678910	0123456789
26	20138095	NGUYỄN ANH HOÀNG KHOA	DH20TD	<i>Khoa</i>					8.0	0012345678910	0123456789
27	20138096	NGÔ TUẤN KIẾT	DH20TD	<i>Kiet</i>					8.0	0012345678910	0123456789
28	20138097	VÕ ANH KIẾT	DH20TD	<i>Kiet</i>					9.0	0012345678910	0123456789
29	20138098	NGÔ TRẦN THIÊN KIM	DH20TD	<i>Kim</i>					9.0	0012345678910	0123456789
30	20138100	NGUYỄN AN LẠC	DH20TD	<i>Lac</i>					9.0	0012345678910	0123456789
31	20138101	TRẦN QUỐC LÂM	DH20TD	<i>Lam</i>					8.0	0012345678910	0123456789
32	20138063	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	DH20TD	<i>Luong</i>					8.0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138104	BÙI PHƯƠNG NAM	DH20TD	<i>Phuong</i>					7.5	○○○12345678910	○123456789
34	20138030	PHẠM VĨNH	DH20TD	<i>Pham</i>					8.0	○○○12345678910	○123456789
35	20138107	TẠ THANH	DH20TD	<i>Thanh</i>					7.5	○○○12345678910	○123456789
36	20138106	TRƯƠNG HOÀNG	DH20TD	<i>Truong</i>					7.5	○○○12345678910	○123456789
37	20138108	TRẦN NGUYỄN TRUỖI PHI	DH20TD	<i>Phi</i>					9.0	○○○12345678910	○123456789
38	20138035	LÊ VĂN PHONG	DH20TD	<i>Phong</i>					9.0	○○○12345678910	○123456789
39	20138109	PHAN DUY PHÚC	DH20TD	<i>Phuoc</i>					8.0	○○○12345678910	○123456789
40	20138111	ĐOÀN THIÊN PHƯỚC	DH20TD	<i>Phuoc</i>					8.0	○○○12345678910	○123456789
41	20138110	ĐỖ THIÊN PHƯỚC	DH20TD	<i>Phuoc</i>					9.0	○○○12345678910	○123456789
42	20138112	NGUYỄN NGÔ GIA PHƯỚC	DH20TD	<i>Phuoc</i>					7.0	○○○12345678910	○123456789
43	20138113	PHẠM ĐỖ ANH PHƯƠNG	DH20TD	<i>Phuoc</i>					7.5	○○○12345678910	○123456789
44	20138114	ĐOÀN ĐÌNH QUÂN	DH20TD	<i>Quân</i>					7.5	○○○12345678910	○123456789
45	20138115	LÊ HỮU ĐÔNG QUÂN	DH20TD	<i>Quân</i>					7.5	○○○12345678910	○123456789
46	20138116	PHẠM ĐỨC QUÂN	DH20TD	<i>Quân</i>					8.0	○○○12345678910	○123456789
47	20138117	TRẦN NGỌC QUẾ	DH20TD	<i>Quoc</i>					8.0	○○○12345678910	○123456789
48	20138118	VÒNG PHI QUYỀN	DH20TD	<i>Phuoc</i>					7.0	○○○12345678910	○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	20138120	LÊ ĐẶNG TUẤN SANG	DH20TD						8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	20138122	NGUYỄN QUỐC TÀI	DH20TD						8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	20138123	TRẦN THÁI TÀI	DH20TD						7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	20138124	VÕ LÊ TỨ	DH20TD						8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD						9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	20138127	LÊ VĂN THANH	DH20TD						7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	20138128	TRẦN HOÀI THANH	DH20TD						8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	20138129	PHẠM ĐỨC THAO	DH20TD						7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	20138126	LÊ QUANG THẮNG	DH20TD						9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD						9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	20138131	HUỖNH MINH THUẬN	DH20TD						8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	20138132	CHÂU NGỌC TIỀN	DH20TD						7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD						9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	20138133	TRẦN ĐỨC TOÀN	DH20TD						8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	20138134	VŨ MINH TOÀN	DH20TD						8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	20138135	ĐINH GIA TRIỆU	DH20TD						8.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 01050

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	20138136	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
66	20138137	HUỖNH LÊ BẢO TRỌNG	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789
67	20138049	TRẦN NGỌC TRỌNG	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789
68	20138138	HOÀNG VĂN TRUNG	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789
69	20138139	NGUYỄN CÔNG TRUYỀN	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789
70	20138140	NGUYỄN XUÂN TÚ	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
71	20138141	PHẠM ANH TUẤN	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
72	20138142	PHẠM THANH TUẤN	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
73	20138143	CAO HUỖNH THANH TÙNG	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789
74	20138144	NGUYỄN ĐĂNG VĂN	DH20TD						8.5	0012345678910	0123456789
75	20138146	BÙI QUỐC VIỆT	DH20TD						7.5	0012345678910	0123456789
76	20138147	LÊ HÀ BẢO VINH	DH20TD						7.0	0012345678910	0123456789
77	20138148	THÁI DOÃN VINH	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
78	20138149	TRẦN QUANG VINH	DH20TD						8.0	0012345678910	0123456789
79	20138060	TRẦN THANH VŨNG	DH20TD						7.0	0012345678910	0123456789
80	20138152	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	DH20TD						9.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 01953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
4	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
5	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD					1.0	1.0	0012345678910	0123456789
6	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD					0.0	0.0	0012345678910	0123456789
7	19138014	Bùi Quang Tấn	DH19TD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
8	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
9	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ	DH19TD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
10	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
11	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
12	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
13	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD					10	10	0012345678910	0123456789
14	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
15	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
16	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138020	Đình Văn	Hiện	Hiện				4.0	4.0	0012345678910	0123456789
18	18138027	Vũ Minh	Hòa	Hòa				9.0	9.0	0012345678910	0123456789
19	19138022	Nguyễn Minh	Hoàng	Minh				4.0	4.0	0012345678910	0123456789
20	19138023	Nguyễn Minh	Hoàng	Minh				1.0	1.0	0012345678910	0123456789
21	19138024	Võ Ngọc	Hội	Ngoc				7.5	7.5	0012345678910	0123456789
22	19138025	Hoàng Phi	Hùng	Phi				7.0	7.0	0012345678910	0123456789
23	19138027	Bùi Huỳnh Song	Huy	Song				2.5	2.5	0012345678910	0123456789
24	19138028	Nguyễn Văn	Huy	Van				7.0	7.0	0012345678910	0123456789
25	19138026	Nguyễn Viết	Hung	Viết				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
26	19138032	Nguyễn Đình	Khang	Đinh				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
27	19138034	Nguyễn Lê Hữu	Khang	Hữu				8.5	8.5	0012345678910	0123456789
28	19138036	Lê Duy	Khánh	Duy				0.0	0.0	0012345678910	0123456789
29	19138037	Phạm PhúC	Khiêm	Phu				2.5	2.5	0012345678910	0123456789
30	19138038	Bùi Đăng	Khoa	Đang				9.5	9.5	0012345678910	0123456789
31	19138039	Bùi Tuấn	Khoa	Tuan				8.5	8.5	0012345678910	0123456789
32	19138040	Nguyễn Ngọc	Khoa	Ngoc				6.5	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD					1.5	1.5	00012345678910	0123456789
34	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
35	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
36	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
37	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD					10	10	0012345678910	0123456789
38	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD					10	10	0012345678910	0123456789
39	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD					10	10	0012345678910	0123456789
40	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
41	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD					5.5	6.5	0012345678910	0123456789
42	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
43	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
44	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD					0.0	0.0	0012345678910	0123456789
45	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
46	19138059	Nguyễn Thành Phấn	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
47	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
48	19138061	Nguyễn Châu Phi	DH19TD					0.0	0.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
50	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
51	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
52	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD					10	10	0012345678910	0123456789
53	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD					10	10	0012345678910	0123456789
54	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
55	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
56	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
57	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
58	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
59	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
60	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
61	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
62	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
63	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
64	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01953

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
66	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD					1.0	1.0	0012345678910	0123456789
67	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
68	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
69	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
70	19138083	Nguyễn Thế Trần	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
71	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD					1.0	1.0	0012345678910	0123456789
72	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
73	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
74	19138090	Nguyễn Gia Vinh	DH19TD					0.0	0.0	0012345678910	0123456789
75	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 11 Số sinh viên vắng 0

Ngày 1 Tháng 8 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

CBGT3

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 11/12/2020

G. Quang Hiền

Nguyễn Thế Vinh

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 01954

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
2	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
3	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
4	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
5	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
6	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
7	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
8	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
9	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC					10	10	0012345678910	0123456789
10	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
11	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT					10	10	0012345678910	0123456789
12	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
13	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
14	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
15	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD					10	10	0012345678910	0123456789
16	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD					10	10	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01954

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi

001_DH18CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC	<i>Dai</i>				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
18	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD	<i>Hai</i>				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
19	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD	<i>Duc</i>				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
20	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD	<i>Bao</i>				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
21	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT	<i>Ngoc</i>				9.0	9.0	0012345678910	0123456789
22	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT	<i>Van</i>				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
23	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT	<i>Hai</i>				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
24	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD	<i>Hai</i>				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
25	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD	<i>Trung</i>				7.0	7.0	0012345678910	0123456789
26	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD					0.0	0.0	0012345678910	0123456789
27	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD	<i>Hoa</i>				7.0	7.0	0012345678910	0123456789
28	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD	<i>Hoang</i>				8.5	8.5	0012345678910	0123456789
29	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT	<i>Hoang</i>				10	10	0012345678910	0123456789
30	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK	<i>Huy</i>				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
31	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD	<i>Huy</i>				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
32	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD	<i>Hung</i>				7.0	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01954

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi

001_DH18CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD					10	10	0012345678910	0123456789
34	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
35	18153035	Vũ Chúc	DH18CD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
36	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
37	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
38	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
39	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
40	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
41	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK					10	10	0012345678910	0123456789
42	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD					10	10	0012345678910	0123456789
43	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
44	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT					10	10	0012345678910	0123456789
45	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT					10	10	0012345678910	0123456789
46	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
47	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT					10	10	0012345678910	0123456789
48	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT					10	10	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01954

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
50	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
51	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD					10	10	0012345678910	0123456789
52	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
53	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
54	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
55	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
56	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
57	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
58	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
59	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
60	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
61	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
62	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
63	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
64	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD					4.0	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01954

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18153066	Nguyễn Minh Đức	Thắng	DH18CD				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
66	18153069	Bùi Xuân	Thiện	DH18CD				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
67	18118148	Đỗ Thành	Thu	DH18CK				10	10	0012345678910	0123456789
68	18118152	Dương Minh	Tiến	DH18CC				7.0	7.0	0012345678910	0123456789
69	18153077	Nguyễn Minh	Trí	DH18CD				9.0	9.0	0012345678910	0123456789
70	18153078	Tô Trung	Trúc	DH18CD				9.0	9.0	0012345678910	0123456789
71	18153082	Hà Minh	Tùng	DH18CD				4.0	4.0	0012345678910	0123456789
72	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18CC				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
73	18153083	Phạm Khải	Tường	DH18CD				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
74	18118182	Ngô Văn	Viết	DH18CK				10	10	0012345678910	0123456789
75	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	DH18CK				10	10	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 74 Số sinh viên vắng 01

Ngày 1 Tháng 5 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 01955

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **001_DH19TD_02**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD204**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
6	19138014	Bùi Quang Tấn	DH19TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
7	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
8	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
9	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
10	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
11	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD					10	10	0012345678910	0123456789
12	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
13	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
14	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
15	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
16	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01955

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi

001_DH19TD_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
18	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
19	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
20	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
21	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
22	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
23	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
24	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
25	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
26	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
27	19138037	Phạm PhúC Khiêm	DH19TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
28	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
29	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
30	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
31	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD					3.0	3.0	0012345678910	0123456789
32	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01955

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **001_DH19TD_02**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD204**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
34	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
35	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD					10	10	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 01956

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **002_DH19TD_02**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138045	Bùi Văn Hữu	Luân	DH19TD				7.0	7.0	0012345678910	0123456789
2	19138046	Võ Văn	Minh	DH19TD				10	10	0012345678910	0123456789
3	19138048	Nguyễn Cà	Na	DH19TD				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
4	19138050	Huỳnh Phạm Chánh	Nghĩa	DH19TD				10	10	0012345678910	0123456789
5	19138051	Nguyễn Trọng	Nghĩa	DH19TD				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
6	19138052	Đặng Nghĩa	Nhân	DH19TD				4.0	4.0	0012345678910	0123456789
7	19138054	Đoàn Lê Quang	Nhật	DH19TD				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
8	19138055	Trần Đình	Nhơn	DH19TD				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
9	19138057	Trần Minh	Nhật	DH19TD				0.0	0.0	0012345678910	0123456789
10	19138058	Phạm Nguyễn Anh	Pha	DH19TD				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
11	19138059	Nguyễn Thành	Phẩm	DH19TD				7.0	7.0	0012345678910	0123456789
12	19138060	Nguyễn Bảo	Phi	DH19TD				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
13	19138061	Nguyễn Châu	Phi	DH19TD				0.0	0.0	0012345678910	0123456789
14	19138062	Nguyễn Quốc	Phú	DH19TD				5.0	5.0	0012345678910	0123456789
15	17153058	Nguyễn Hồng	Phúc	DH17CD				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
16	19138064	Vũ Đức	Phương	DH19TD				6.0	6.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01956

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **002_DH19TD_02**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD	<i>Gn</i>				6.5	5.5	0012345678910	0123456789
18	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD	<i>Quang</i>				10	10	0012345678910	0123456789
19	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD	<i>QuYến</i>				8.0	8.0	0012345678910	0123456789
20	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD	<i>Sang</i>				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
21	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD	<i>Son</i>				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
22	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD	<i>Tam</i>				3.0	3.0	0012345678910	0123456789
23	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD	<i>Thái</i>				5.0	5.0	0012345678910	0123456789
24	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD	<i>Thai</i>				5.0	5.0	0012345678910	0123456789
25	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD	<i>Thao</i>				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
26	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD	<i>Thanh</i>				4.0	4.0	0012345678910	0123456789
27	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD	<i>Thai</i>				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
28	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD	<i>Thi</i>				6.0	6.0	0012345678910	0123456789
29	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD	<i>Thong</i>				7.5	7.5	0012345678910	0123456789
30	19138076	Hồ Thị Hà Thu	DH19TD	<i>Thu</i>				4.5	4.5	0012345678910	0123456789
31	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD	<i>Tien</i>				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
32	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD	<i>Tien</i>				7.0	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01956

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật hệ thống(207547)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_02

Tổ Thi

002_DH19TD_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 15/01/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
34	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
35	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
36	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
37	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
38	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
39	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
40	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
41	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
42	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
43	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
44	19138090	Nguyễn Gia Vinh	DH19TD					0.0	0.0	0012345678910	0123456789
45	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01956

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_02**

Tổ Thi **002_DH19TD_02**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4 Số sinh viên vắng 2

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


T. C. Tiến


N. V. Kiệp


TS. Trương Công Tiến


TS. Trương Công Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật CAD,CAM,CNC (207603) - 03

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC						8,0	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC						8,0	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC						8,0	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC						8,0	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vĩ	DH17CKC						8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]

TS. Trương Công Tiến

3/12

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 01960

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
2	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
3	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			8	7	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
4	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
5	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
6	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
7	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
8	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
9	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			10	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
10	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK							0012345678910	0123456789
11	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
12	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			10	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
13	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
14	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
15	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD							0012345678910	0123456789
16	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01960

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Phương pháp số(207615)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL	<i>Hoàng</i>		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
18	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD	<i>Hưng</i>		10	8	10	9.1	0012345678910	0123456789
19	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD	<i>Kha</i>		10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
20	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD	<i>Khang</i>		10	8	7	7.3	0012345678910	0123456789
21	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT	<i>Khánh</i>		10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
22	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD	<i>Khiêm</i>		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
23	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD	<i>Khoa</i>		10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
24	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD							0012345678910	0123456789
25	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD	<i>Long</i>		10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
26	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD	<i>Long</i>		8	8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
27	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD	<i>Mẫn</i>		10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
28	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL	<i>Minh</i>		10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
29	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD	<i>Nghĩa</i>		10	8	5	6.1	0012345678910	0123456789
30	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT	<i>Nhân</i>		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
31	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD	<i>Nhựt</i>		10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
32	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD	<i>Nhựt</i>		10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01960

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Phương pháp số(207615)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
34	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			10	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
35	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
36	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
37	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			10	7	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
38	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD							0012345678910	0123456789
39	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC							0012345678910	0123456789
40	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
41	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
42	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
43	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
44	18153073	Nguyễn Tấn Thuận	DH18CD			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
45	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
46	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
47	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
48	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789

5.5
Đạt



Mã nhận dạng 01960

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Phương pháp số(207615)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ~~44~~ Số sinh viên vắng ...5...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

N.V. Kiep

TS. Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 01961

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
2	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC	Ban		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
3	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC	Bao		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
4	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	Bao		10	8	0,5	3,8	0012345678910	0123456789
5	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC	Bao		10	8	0,5	3,8	0012345678910	0123456789
6	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	Ca		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
7	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC	Cay		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
8	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD							0012345678910	0123456789
9	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL	Chan		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
10	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC	chian		10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
11	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC	cong		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
12	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL	Cot		10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
13	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	Dung		10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
14	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC	Duy		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
15	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT	Du		10	8	9	8,5	0012345678910	0123456789
16	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC	Dung		10	8	0,5	3,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01961

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
18	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
19	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
20	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC							0012345678910	0123456789
21	19118041	K' Đông	DH19CC			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
22	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
23	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
24	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
25	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			10	8	1.5	4.3	0012345678910	0123456789
26	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
27	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
28	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
29	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
30	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC			0	8	4.5	5.1	0012345678910	0123456789
31	19118105	Lý Nhứt Khang	DH19CC			10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
32	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT			5	0	8	5.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01961

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

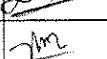
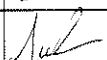
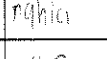
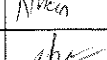
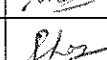
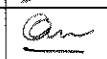
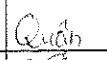
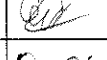
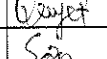
Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT			10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
34	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT			10	6	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
35	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
36	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
37	19118133	Trần Hữu Khánh	DH19CC			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
38	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			10	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
39	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
40	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			10	8	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
41	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
42	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
43	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
44	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
45	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
46	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			10	8	10	9.4	0012345678910	0123456789
47	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
48	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT			10	8	9	8.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01961

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT			10	7	7	7,3	0012345678910	0123456789
50	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT			10	7	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
51	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
52	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT			10	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
53	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
54	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			10	8,5	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
55	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
56	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
57	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
58	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
59	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
60	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
61	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
62	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
63	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
64	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			10	8	10	9,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01961

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Phương pháp số(207615)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			10	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
66	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
67	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			10	8	6	7.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 5... Số sinh viên vắng 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền

Lê Văn Tuấn

TS. Trương Công Tiến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án môn học chuyên ngành 2 (207635) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
2	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
3	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD				8	9	8,6	0012345678910	0123456789
4	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD				7	9	8,2	0012345678910	0123456789
5	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
6	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD				7	9	8,2	0012345678910	0123456789
7	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
8	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD				8	9	8,6	0012345678910	0123456789
9	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
10	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
11	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
12	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD				8	9	8,6	0012345678910	0123456789
13	17153013	Hà Công Định	DH17CD				9	10	9,6	0012345678910	0123456789
14	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD				8	9	8,6	0012345678910	0123456789
15	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD				8	9	8,6	0012345678910	0123456789
16	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD				9	9	9,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án môn học chuyên ngành 2 (207635) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153026	Nguyễn Trường Hân	DH17CD				8	9	8,6	○○○12345678910	○123456789
18	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD				9	9	9,0	○○○12345678910	○123456789
19	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD				7	8	7,6	○○○12345678910	○123456789
20	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD				8	8	8,0	○○○12345678910	○123456789
21	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD				7	9	8,2	○○○12345678910	○123456789
22	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD				9	8	8,4	○○○12345678910	○123456789
23	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD				8	9	8,6	○○○12345678910	○123456789
24	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD				7	9	8,2	○○○12345678910	○123456789
25	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD				8	9	8,6	○○○12345678910	○123456789
26	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD				9	8	8,4	○○○12345678910	○123456789
27	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD				7	9	8,2	○○○12345678910	○123456789
28	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD				9	9	9,0	○○○12345678910	○123456789
29	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD				7	9	8,2	○○○12345678910	○123456789
30	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD				9	9	9,0	○○○12345678910	○123456789
31	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD				8	8	8,0	○○○12345678910	○123456789
32	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD				7	8	7,6	○○○12345678910	○123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án môn học chuyên ngành 2 (207635) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD				7	9	8,2	0012345678910	0123456789
34	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
35	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
36	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD				8	9	8,6	0012345678910	0123456789
37	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
38	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD				7	9	8,2	0012345678910	0123456789
39	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD				8	9	8,6	0012345678910	0123456789
40	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
41	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
42	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
43	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
44	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD				7	9	8,2	0012345678910	0123456789
45	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
46	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD				7	8	7,6	0012345678910	0123456789
47	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD				7	9	8,2	0012345678910	0123456789
48	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án môn học chuyên ngành 2 (207635) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153074	Phan Nguyễn Trung	Toàn	DH17CD	<i>Trần</i>		8	8	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	17153072	Nguyễn Hoàng	Toán	DH17CD	<i>Trần</i>		7	9	8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	17153075	Lê Quốc	Trạng	DH17CD	<i>Trần</i>		8	8	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑥ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	17153076	Phạm Ngọc	Triệu	DH17CD	<i>Trần</i>		9	10	9,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	17153077	Phan Bảo	Trọng	DH17CD	<i>Trần</i>		9	10	9,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	17153078	Lê Văn	Tuấn	DH17CD	<i>Trần</i>		8	9	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
55	17153081	Dương Bảo	Ý	DH17CD	<i>Trần</i>		8	9	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 55

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Kim Nga

Th.S Nguyễn Văn Công Chính
Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 01964

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ điện tử(207638)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi 001_DH20CD_01

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153054	TRƯƠNG LÊ HOÀI AN	DH20CD	Anh		7	9	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
2	20153056	TRẦN HUỖNH QUỐC BẢO	DH20CD	Bao		8	8	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
3	20153057	VƯƠNG TRẦN GIA BẢO	DH20CD	Bao		8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
4	20153003	NGUYỄN KHÁNH BÌNH	DH20CD	Binh		8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
5	20153059	LÊ TRƯỜNG CHINH	DH20CD	Chinh		8	8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
6	20153061	MA VĂN DANH	DH20CD	Danh		7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
7	20153068	TRƯƠNG QUANG DENNI	DH20CD	Den		7	0	1,5	1,6	0012345678910	0123456789
8	20153069	NGUYỄN THÀNH DIỆN	DH20CD	Diên		8	9	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
9	20153072	ĐỖ MẠNH DŨNG	DH20CD	Dung						0012345678910	0123456789
10	20153073	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	DH20CD	Duy		7	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
11	20153062	VÕ VĂN ĐẠO	DH20CD	Dao		8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
12	20153063	NGUYỄN NHẬT THÀNH ĐẠT	DH20CD	Dat		8	8	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
13	20153065	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH20CD	Dat		8	9	4,5	6,2	0012345678910	0123456789
14	20153067	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	DH20CD	Dat		8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
15	20153060	PHẠM HẢI ĐĂNG	DH20CD	De		8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
16	20153070	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	DH20CD	Dinh		7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01964

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ điện tử(207638)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi

001_DH20CD_01

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153071	VŨ A ĐỨC	DH20CD			8	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
18	20153075	NGUYỄN CHÍ HIẾU	DH20CD			8	9	5	6,5	0012345678910	0123456789
19	20153076	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH20CD			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
20	20153078	VŨ MINH HIẾU	DH20CD			8	9	5	6,5	0012345678910	0123456789
21	20153079	HOÀNG TRỌNG HÒA	DH20CD			7	8	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
22	20153080	ĐOÀN HUY HOÀNG	DH20CD			8	9	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
23	20153081	VŨ ĐÌNH HOÀNG	DH20CD			9	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
24	20153083	TRỊNH PHI HÔNG	DH20CD			8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
25	20153082	NGUYỄN THANH HƠN	DH20CD			8	9	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
26	20153084	VŨ PHI HÙNG	DH20CD			7	9	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
27	20153087	HỒ GIA HUY	DH20CD			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
28	20153088	LÝ QUỐC HUY	DH20CD			8	8	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
29	20153089	TRƯƠNG NGÔ MINH HUY	DH20CD			7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
30	20153091	NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM	DH20CD			7	9	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
31	20153016	ĐỖ MINH KHOA	DH20CD			7	8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
32	20153092	NGUYỄN EM HOÀNG KHOA	DH20CD			7	8	2,5	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01964

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ điện tử(207638)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi

001_DH20CD_01

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20153093	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH20CD			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
34	20153094	NGUYỄN ANH KIẾT	DH20CD			7	8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
35	20153095	NGUYỄN TRẦN NHẬT LINH	DH20CD			7	8	2	4,3	0012345678910	0123456789
36	20153096	LÊ THANH LỘC	DH20CD			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
37	20153097	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
38	20153098	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
39	20153099	NGUYỄN HỮU LÝ	DH20CD			7	8	5	6,1	0012345678910	0123456789
40	20153103	TRẦN THUYẾT MINH	DH20CD			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
41	20153053	HOÀNG HOÀI NAM	DH20CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
42	20153104	NGUYỄN HOÀI NAM	DH20CD			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
43	20153106	LÊ THÀNH NHẬT	DH20CD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
44	20153107	HỒ GIA PHONG	DH20CD			8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
45	20153108	TẠ CHIÊU PHONG	DH20CD			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
46	20153109	TRẦN VĨNH PHÚ	DH20CD			8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
47	20153110	BÙI ĐỨC PHÚC	DH20CD			7	8	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
48	20153111	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	DH20CD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01964

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ điện tử(207638)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi 001_DH20CD_01

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20153112	ĐOÀN HOÀNG PHÚC	DH20CD			8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
50	20153113	LÊ VĂN PHÚC	DH20CD			8	9	3	5,3	0012345678910	0123456789
51	20153114	NGUYỄN TRẦN QUANG PHƯỚC	DH20CD			8	9	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
52	20153116	PHẠM MẠNH QUỐC	DH20CD			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
53	20153118	NGUYỄN VĂN TÂM	DH20CD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
54	20153119	TÔ THÀNH TÂN	DH20CD			8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
55	20153031	VŨ ĐÌNH TÂN	DH20CD			8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
56	20153122	ĐOÀN TRUNG THÀNH	DH20CD			7	8	5	6,1	0012345678910	0123456789
57	20153123	NGUYỄN NHẬT THI	DH20CD			8	8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
58	20153124	NHAN THANH THIÊN	DH20CD			8	8	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
59	20153125	HỒ VĂN THỊNH	DH20CD			7	8	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
60	20153126	TRẦN TRƯƠNG MINH THỐNG	DH20CD			8	8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
61	20153128	NGUYỄN XUÂN TIẾN	DH20CD			7	8	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
62	20153130	NGUYỄN HOÀNG KIM TOÀN	DH20CD							0012345678910	0123456789
63	20153131	TRẦN NGUYỄN NHẬT TRÀ	DH20CD			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
64	20153132	NGUYỄN TÂN TRUNG	DH20CD			8	8	2	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01964

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ điện tử(207638)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi 001_DH20CD_01

Tên CBGD Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20153040	LỮ TRỌNG TRƯỜNG	DH20CD			8	9	4	5,9	0012345678910	0123456789
66	20153133	LƯƠNG ANH TÚ	DH20CD			9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
67	20153134	TRIỆU ANH TUẤN	DH20CD			8	8	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
68	20153135	NGUYỄN THANH TÙNG	DH20CD							0012345678910	0123456789
69	20153136	NGUYỄN THANH TÙNG	DH20CD			7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
70	20153042	PHẠM NHẬT UY	DH20CD			7	8	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
71	20153138	TRẦN TUẤN VĨ	DH20CD			8	8	2	4,4	0012345678910	0123456789
72	20153139	LÊ HUỖNH CÔNG VIỆT	DH20CD			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
73	20153044	TRƯƠNG HẢI VIỆT	DH20CD			7	9	3	5,2	0012345678910	0123456789
74	20153140	LÝ A VINH	DH20CD			8	9	4	5,9	0012345678910	0123456789
75	20153141	LÊ VŨ	DH20CD			8	8	2	4,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trần Thị Kim Ngà

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT						7.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT						9.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT						7.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT						7.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18154003	Trương Long Ân	DH18OT						8.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT						8.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT						8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT						0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT						8.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT						8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT						8.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT						9.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT						7.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT						8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
18	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT						7.3	0012345678910	0123456789
19	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT						7.2	0012345678910	0123456789
20	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT						8.5	0012345678910	0123456789
21	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT						8.8	0012345678910	0123456789
22	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
23	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT						8.1	0012345678910	0123456789
24	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT						9.7	0012345678910	0123456789
25	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT						9.7	0012345678910	0123456789
26	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT						9.1	0012345678910	0123456789
27	17154028	Phạm Từ Hùng Hiếu	DH17OT						9.4	0012345678910	0123456789
28	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT						6.6	0012345678910	0123456789
29	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT						8.6	0012345678910	0123456789
30	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
31	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT						8.6	0012345678910	0123456789
32	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT						8.7	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Trinh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT						8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT						7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT						8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	18154042	Nguyễn Hữu Trọn Hương	DH18OT						8.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT						6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT						7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT						7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT						9.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT						8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT						7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT						7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT						6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT						8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT						7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT						7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT						8.8	○○○1234567●910	○1234567●9
50	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT						7.7	○○○123456●8910	○123456●89
51	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT						7.3	○○○123456●8910	○12●456789
52	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT						9.6	○○○12345678●910	○12345●789
53	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT						7.9	○○○123456●8910	○12345678●
54	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT						8.8	○○○1234567●910	○1234567●9
55	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT						8.2	○○○1234567●910	○1●3456789
56	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT						7.5	○○○123456●8910	○1234●6789
57	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT						9.2	○○○12345678●910	○1●3456789
58	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT						9	○○○12345678●910	●123456789
59	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT						9	○○○12345678●910	●123456789
60	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT						9.5	○○○12345678●910	○1234●6789
61	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT						9.2	○○○12345678●910	○1●3456789
62	18154089	Đoàn Minh Nhựt	DH18OT						9.2	○○○12345678●910	○1●3456789
63	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT						8.1	○○○1234567●910	○●23456789
64	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT						8	○○○1234567●910	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT						10	○○○123456789●	○123456789
66	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT						9	○○○12345678●9	●123456789
67	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT						9.7	○○○12345678●9	○123456●89
68	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT						9.1	○○○12345678●9	○●23456789
69	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT						0	●○○12345678910	○123456789
70	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT						9.2	○○○12345678●9	○1●3456789
71	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT						9.4	○○○12345678●9	○123●56789
72	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT						8.1	○○○1234567●910	○●23456789
73	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT						8	○○○1234567●910	●123456789
74	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT						8.8	○○○1234567●910	○1234567●9
75	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT						7.2	○○○123456●8910	○1●3456789
76	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật	DH18OT						9	○○○12345678●9	●123456789
77	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT						9.7	○○○12345678●9	○123456●89
78	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT						7.5	○○○123456●8910	○1234●6789
79	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT						7.9	○○○123456●8910	○12345678●
80	18154112	Trần Lê Phương	DH18OT						7.4	○○○123456●8910	○123●56789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Lập trình điều khiển trên ô tô (207745) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
81	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT						8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
82	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT						8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
83	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT						7.7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
84	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT						7.9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
85	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT						9.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
86	18154119	Đoàn Văn Thín	DH18OT						7.6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
87	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT						9.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
88	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT						7.7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
89	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT						7.2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
90	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT						6.9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
91	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT						7.4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
92	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT						0	●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
93	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
94	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT						7.6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
95	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT						7.1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
96	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT						8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

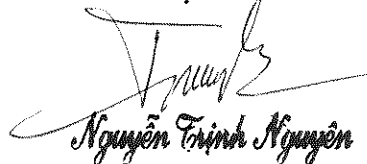
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13


Nguyễn Trịnh Nguyên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154079	ĐIỀN TUẤN ANH	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	20154080	LÊ TUẤN ANH	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	20154081	NGUYỄN PHAN NGỌC ANH	DH20OT						6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	20154082	NGUYỄN PHÚC HOÀN ANH	DH20OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	20154005	NGUYỄN TUẤN ANH	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	20154006	NGUYỄN XUÂN BÁCH	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	20154085	HUỖNH GIA BẢO	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	20154086	NGUYỄN TRẦN NHẬT BẢO	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	20154087	ABDUL BARI	DH20OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	20154088	LƯU VĂN BÌNH	DH20OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	20154089	PHẠM THÁI BÌNH	DH20OT						0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	20154090	VÕ THIÊN CHÍ	DH20OT						10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	20154009	TRẦN LÊ PHƯỚC CHUNG	DH20OT						0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	20154010	LÊ QUANG CÔNG	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	20154091	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	20154092	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154093	HỒ CHÍ CƯỜNG	DH200T						7	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20154097	NGUYỄN TÂN DANH	DH200T						5	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20154108	NGUYỄN TRUNG DŨNG	DH200T						8	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	20154112	HUỖNH KHÁNH DUY	DH200T						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	20154113	LÊ HOÀNG ĐỨC DUY	DH200T						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20154114	NGUYỄN THÀNH DUY	DH200T						5	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	20154115	NGUYỄN THÀNH DUY	DH200T						7	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	20154116	TRƯƠNG HOÀI DUY	DH200T						0	● ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	20154109	NGUYỄN VĂN DƯỢC	DH200T						0	● ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	20154111	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	DH200T						5	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	20154014	QUÁCH DƯƠNG	DH200T						10	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19154032	Võ Trung Dương	DH190T						10	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	20154100	NGUYỄN TÂN ĐẠT	DH200T						5	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	20154101	PHẠM ĐÌNH THÀNH ĐẠT	DH200T						6	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	20154096	LÂM HẢI ĐĂNG	DH200T						8	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	20154102	ĐẶNG THIỀU ĐÌNH	DH200T						7	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154103	DƯƠNG QUỐC ĐÔNG	DH200T						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	20154105	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	DH200T						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	20154106	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH200T						2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	20154117	LÊ TUẤN TRƯỜNG	GIANG						6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	20154120	VÕ NGUYỄN THANH HÀ	DH200T						7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	20154121	TRƯƠNG VĂN HÀO	DH200T						0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	20154122	VŨ ANH	HÀO						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	20154022	HỒ HOÀNG	HÀO						10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	20154123	HOÀNG HỒNG	HẬU						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	20154124	PHẠM NGUYỄN QUỐC HẬU	DH200T						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	20154126	VÕ CÔNG	HIỀN						10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	20154127	ĐẶNG TRUNG	HIẾU						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	20154131	HUỖNH VŨ	HOÀI						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	20154132	NGUYỄN THỌ	HOÀNG						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	20154133	NGUYỄN VĂN	HOÀNG						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	20154134	NGUYỄN VŨ HUY	HOÀNG						6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	20154136	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	DH200T						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	20154137	PHAN QUÝ HÙNG	DH200T						7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	20154140	BÙI THANH HUY	DH200T						6	○○○①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	20154141	NGUYỄN MINH HUY	DH200T						6	○○○①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	20154142	NGUYỄN VŨ NHẬT HUY	DH200T						7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	20154024	PHÙNG QUỐC HUY	DH200T						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	20154144	TRẦN GIA HUY	DH200T						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	20154138	NGUYỄN MINH HÙNG	DH200T						6	○○○①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	20154139	TRẦN HỮU HÙNG	DH200T						7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	20154145	RƠ Ô KÁ	DH200T						7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	20154146	NGUYỄN QUỐC KHAI	DH200T						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	20154147	DƯƠNG TRÍ KHANG	DH200T						5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	20154148	CHÂU QUỐC VIỆT KHÁNH	DH200T						5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	20154149	HOÀNG LÊ MINH KHÁNH	DH200T						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	20154150	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHÁNH	DH200T						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	20154151	TRẦN MẠC ANH KHOA	DH200T						6	○○○①②③④⑤⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT						9	0012345678910	0123456789
66	20154152	VÕ NGUYỄN KHÔI	DH20OT						9	0012345678910	0123456789
67	20154153	NGUYỄN VĂN KIÊN	DH20OT						0	0012345678910	0123456789
68	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT						8	0012345678910	0123456789
69	20154155	MAI THANH LÂM	DH20OT						9	0012345678910	0123456789
70	20154157	PHẠM VĂN LÂM	DH20OT						2	0012345678910	0123456789
71	20154158	HOÀNG KIM LÂN	DH20OT						6	0012345678910	0123456789
72	20154159	NGUYỄN CÔNG LINH	DH20OT						8	0012345678910	0123456789
73	20154160	TRẦN NGỌC LINH	DH20OT						7	0012345678910	0123456789
74	20154163	NGUYỄN NGỌC THÂN LUÂN	DH20OT						0	0012345678910	0123456789
75	20154164	NGUYỄN CÔNG LÝ	DH20OT						7	0012345678910	0123456789
76	20154165	NGUYỄN TIẾN MẠNH	DH20OT						10	0012345678910	0123456789
77	20154166	NGUYỄN VĂN MINH	DH20OT						8	0012345678910	0123456789
78	20154168	ĐẬU PHƯƠNG NAM	DH20OT						8	0012345678910	0123456789
79	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT						8	0012345678910	0123456789
80	20154169	NGUYỄN THÀNH NAM	DH20OT						5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
82	20154170	TRẦN THANH NAM	DH20OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
83	20154176	PHẠM TRỌNG CÔNG NGHĨA	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
84	20154171	NGUYỄN TRỌNG NGHỊ	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
85	20154172	TRẦN TRUNG NGHỊ	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
86	20154173	BÙI TÁ NGHĨA	DH20OT						5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
87	20154174	NGUYỄN TIẾN NGHĨA	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
88	20154175	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
89	20154178	NGUYỄN VĂN NHỰT NGUYỄN	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
90	20154179	TRƯƠNG QUỐC NGUYỄN	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
91	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
92	20154181	PHẠM HOÀNG NHÂN	DH20OT						5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
93	20154183	CAO NGUYỄN THÀNH PHÁT	DH20OT						5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
94	20120077	ĐÌNH CÔNG ĐẠI PHÁT	DH20OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
95	20154185	PHAN TRẦN HOÀNG PHÁT	DH20OT						0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
96	20154186	VŨ THỊNH PHÁT	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	20154187	ÂU THIÊN PHÚ	DH20OT						5	0012345678910	0123456789
98	20154188	CAO QUAN PHÚ	DH20OT						9	0012345678910	0123456789
99	20154189	CAO THỀ PHÚ	DH20OT						7	0012345678910	0123456789
100	20154191	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH20OT						6	0012345678910	0123456789
101	20154193	THÁI TRẦN HỒNG PHÚC	DH20OT						6	0012345678910	0123456789
102	20154194	NGUYỄN DIỆU PHỤNG	DH20OT						6	0012345678910	0123456789
103	20154195	PHÙNG THANH PHƯỚC	DH20OT						9	0012345678910	0123456789
104	20154196	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	DH20OT						6	0012345678910	0123456789
105	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT						0	0012345678910	0123456789
106	20154201	HUỲNH NGỌC QUANG	DH20OT						6	0012345678910	0123456789
107	20154202	NGUYỄN THỀ QUANG	DH20OT						7	0012345678910	0123456789
108	20154197	ĐỖ ANH QUÂN	DH20OT						7	0012345678910	0123456789
109	20154198	ĐỖ HOÀNG QUÂN	DH20OT						7	0012345678910	0123456789
110	20154200	NGUYỄN MẠNH QUÂN	DH20OT						0	0012345678910	0123456789
111	20154203	HỒ VĂN NGỌC QUÍ	DH20OT						9	0012345678910	0123456789
112	20154205	TRẦN HỮU QUỐC	DH20OT						8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
113	20154206	HUỖNH AN QUYỀN	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
114	20154207	NGUYỄN THẾ QUYỀN	DH20OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
115	20154208	ĐÀO MINH QUYẾT	DH20OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
116	20154209	TRẦN CHÍ QUYẾT	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
117	20154049	PHẠM NGỌC ĐIỂM QUỖNH	DH20OT						10	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
118	20154210	NGUYỄN ĐỖ HỮU SANG	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
119	20154211	NGUYỄN NGỌC PHÁT SANG	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
120	20154212	NGUYỄN THANH SANG	DH20OT						8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
121	20154213	NGUYỄN TIẾN SĨ	DH20OT						6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
122	20154214	TRẦN TẤN TÀI	DH20OT						6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
123	20154055	HUỖNH THANH TÂM	DH20OT						6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
124	20154215	NGUYỄN NHÂN TÂM	DH20OT						0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
125	20154216	HUỖNH DUY TÂN	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
126	20154218	NGUYỄN QUANG THÀNH	DH20OT						7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
127	20154219	NGUYỄN TIẾN THANH	DH20OT						6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
128	20154220	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	DH20OT						6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Trinh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
129	20154221	NGUYỄN THANH THIỆN	DH200T						6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
130	20154222	PHAN HỮU THIỆN	DH200T						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
131	19154158	Trần Hữu Thiện	DH190T						10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
132	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH180T						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
133	20154062	HUỲNH MINH THÔNG	DH200T						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
134	20154224	CHAU CHANH THU	DH200T						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
135	20154225	NGUYỄN BẢO THUẬN	DH200T						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
136	20154226	NGUYỄN ĐẶNG TIỀN	DH200T						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
137	19154165	Lê Việt Tiệp	DH190T						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
138	20154227	NGUYỄN BẢO TÍN	DH200T						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
139	20154228	HÀ HỮU TỊNH	DH200T						6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
140	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH190T						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
141	20154229	NGUYỄN QUỐC TRÃI	DH200T						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
142	20154230	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
143	20154231	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
144	20154232	PHẠM MINH TRÍ	DH200T						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành ô tô (207752) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
145	20154233	ĐỖ NGỌC TRIẾT	DH200T						7	○○○123456●8910	○○123456789
146	19154173	Trần Hải Triều	DH190T						9	○○○12345678●10	○○123456789
147	20154234	ĐẶNG BÌNH TRIỆU	DH200T						8	○○○1234567●8910	○○123456789
148	20154235	NGUYỄN HỒ QUỐC TRUNG	DH200T						9	○○○12345678●10	○○123456789
149	20154236	BÙI VĂN TRƯỜNG	DH200T						7	○○○123456●8910	○○123456789
150	20154237	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH200T						7	○○○123456●8910	○○123456789
151	20154238	LÊ HOÀNG TUẤN	DH200T						8	○○○1234567●8910	○○123456789
152	20154239	PHẠM MINH TUẤN	DH200T						7	○○○123456●8910	○○123456789
153	20154240	TRẦN NHẬT TUẤN	DH200T						0	●○○12345678910	○○123456789
154	20154241	TRƯƠNG QUANG TUẤN	DH200T						7	○○○123456●8910	○○123456789
155	20154242	CAO TRỌNG VĂN	DH200T						9	○○○12345678●10	○○123456789
156	20154075	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH200T						7	○○○123456●8910	○○123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên